

Bản án số: 88/2024/DS-PT

Ngày: 04-3-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Giang

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Kim Sang

Ông Nguyễn Văn Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phước Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A Đường B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số F Đường C, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G: Ông Nguyễn Thế T – Là Luật sư của Công ty L – Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Huỳnh Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H trình bày:

Do chỗ làm ăn thân quen với bà Huỳnh Thị G nên bà H có cho bà G mượn

tiền gồm 03 lần đều có giấy ghi nhận nợ như sau:

Ngày 09/02/2020 âm lịch, bà **G** mượn 370.000.000 đồng.

Ngày 16/12/2020 âm lịch, bà **G** mượn 50.000.000 đồng.

Ngày 18/12/2020 âm lịch, bà **G** mượn 50.000.000 đồng.

Bà **G** đã trả được 200.000.000 đồng. Hiện nay bà **G** còn nợ là 270.000.000 đồng. Bà **H** đã nhiều lần yêu cầu bà **G** trả tiền nhưng bà **G** hứa hẹn mà không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà **G** trả số tiền nợ gốc còn lại là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Đối với khoản vay 370.000.000 đồng bà yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay tới tháng 12/2022 âm lịch. Từ tháng 01/2023 âm lịch do bà **G** đã trả 200.000.000 đồng nên bà **H** yêu cầu tính lãi trên số tiền còn nợ 170.000.000 đồng theo quy định pháp luật tới khi giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền nợ vay 50.000.000 đồng vào ngày 16/12/2022 âm lịch và 50.000.000 ngày 18/12/2022 âm lịch, bà **H** yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ tháng 02/2023 âm lịch cho tới khi trả nợ xong.

Bị đơn bà **Huỳnh Thị G** trình bày:

Bà có vay của bà **H** ngày 09/02/2020 âm lịch, số tiền 370.000.000 đồng. Số nợ này bà đã trả được 200.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ là 160.000.000 đồng. Ngày 16/12/2020 âm lịch, bà mượn bà **H** số tiền 50.000.000 đồng. Số nợ này bà đã trả không còn nợ. Đối với số tiền nợ 50.000.000 đồng ngày 18/12/2020 âm lịch mà bà **H** trình bày, bà **G** xác định không có mượn. Bà **H** khởi kiện yêu cầu bà **G** trả số tiền 270.000.000 đồng và tiền lãi, bà đồng ý trả nợ gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

1. Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự 2015;
2. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:
3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị Thu H** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà **Huỳnh Thị G**.
4. Buộc bà **Huỳnh Thị G** trả cho bà **Huỳnh Thị Thu H** số tiền nợ gốc là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi là 153.453.000 (một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn) đồng. Tổng cộng là 423.453.000 (bốn trăm hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn) đồng
5. Kể từ tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

- Ngày 10/10/2023 có đơn kháng cáo của bà **Huỳnh Thị G** yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm;**

Bị đơn bà **G** và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thực tế có mượn số tiền 50.000.000 đồng sau nhưng sau đó vài ngày đã trả xong, chỉ còn nợ là 160.000.000 đồng, đồng ý trả nợ 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Thu H**: Không đồng ý kháng cáo của bị đơn vì: sau khi chốt nợ số tiền 270.000.000 đồng, bà **G** mượn thêm 100 triệu đồng nhưng do bà không có đủ nên cho mượn 2 lần; lần 1: 50.000.000 đồng 16/12/2020 âm lịch và lần 2: 50.000.000 ngày 18/12/2022 âm lịch.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Bà **G** cho rằng ngày 18/12/2020 đã trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ thể hiện đã trả, kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất: Không chấp nhận kháng cáo của bà **G**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến của đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử, ngày 10/10/2023 bị đơn bà **G** kháng cáo. Qua xem xét trình tự, thủ tục kháng cáo phù hợp với Điều 272; điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Bà **Huỳnh Thị Thu H** khởi kiện yêu cầu bà **G** trả số tiền vay số tiền 370.000.000 đồng và tính lãi suất, phía bị đơn bà **G** không đồng ý, các bên có tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà **G**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả 200.000.000 đồng/370.000.000 đồng vay ngày 09-02-2020 và bị đơn vay thêm số tiền 50.000.000 đồng ngày 16-12-2020 (âm lịch) và 50.000.000 đồng ngày 18-12-2020 (âm lịch) cùng giấy vay tiền, bà **G** đã trả được 200.000.000 đồng, hiện còn nợ tổng cộng 270.000.000 đồng

và lãi. Bà **G** cho rằng đã trả xong, chỉ còn nợ 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.2] Đối với giấy vay tiền ngày 16-12-2020 (AL) có nội dung: “*mượn của em Thu H 50.000.000 đồng ...Sài chợ tết...*” phía dưới gốc trái của giấy mượn tiền bà Giàu có ghi “18/12/2020 – 50.000.000 đồng”, các bên có tranh chấp. Bà **H** cho rằng đây là khoản tiền vay chưa trả, bà **G** cho rằng vay 50.000.000 đồng ngày 16-12-2020 trả vào ngày 18-12-2020 có ghi tại gốc trái phía dưới nhưng xem nội dung bà **G** ghi: “18/12/2020 - 50.000.000 đồng (năm chục triệu đồng)”, không thể hiện nội dung trả . Do đó, lời trình bày của bà **G** là không có căn cứ.

[3.3] Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai 26/6/2023 (BL 20) bà **G** khai: “*Khoản tiền vay 50.000.000 đồng ngày 16/12/2020 (al) tôi trả bằng tiền mặt, ngày thì tôi không nhớ, nhưng trả ngay sau đó khoản 1 tháng*”, lời khai này mâu thuẫn với lời của bà trình bày tại Tòa. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà **G**.

[3.4] Như vậy, đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn pháp lý.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Huỳnh Thị G** phải chịu 20.938.000 (hai mươi triệu chín trăm ba mươi tám ngàn) đồng.

- Bà **Huỳnh Thị Thu H** không phải chịu án phí. Được trả lại 6.750.000 (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0001974 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà **Huỳnh Thị G** phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo biên lai thu số 0002621 ngày 13-10-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà **Huỳnh Thị G**.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu H về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" đối với bà Huỳnh Thị G.

- Buộc bà Huỳnh Thị G trả cho bà Huỳnh Thị Thu H số tiền nợ gốc là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi là 153.453.000 (một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn) đồng. Tổng cộng là 423.453.000 (bốn trăm hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nợ, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

### 3. Về Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị G phải chịu 20.938.000 (hai mươi triệu chín trăm ba mươi tám ngàn) đồng.

- Bà Huỳnh Thị Thu H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H 6.750.000 (sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0001974 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

4. Về Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo biên lai thu số 0002621 ngày 13-10-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### Nơi nhận:

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2);
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Giang**